

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2021/HS-ST**
Ngày: 30-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Việt Hưng
2. Bà Trần Thị Huế

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Nhà Văn hóa xã T, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 23/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Bế Đức Th (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 15 tháng 7 năm 1988 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bế Văn H (đã chết) và bà Nông Thị A, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ là Chu Thị S, sinh năm 1990, chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 27/7/2021 đến ngày 29/7/2021. Sau đó, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay tại xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Người chứng kiến: Bà Chu Thị L, sinh năm 1967 - Trú tại: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ ngày 26/7/2021, tại khu vực đường đất dân sinh thuộc Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác Công an xã T đang làm nhiệm vụ thì phát hiện bắt quả tang Bé Đức Th, sinh năm 1988, trú tại Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ gồm 01 (một) gói ma túy (heroine) được gói bằng một lớp giấy mặt ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng đựng trong 01 (một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long tại túi quần đằng trước bên trái Bé Đức Th đang mặc trên người, tổ công tác đã thu giữ niêm phong trong phong bì ký hiệu M1; tạm giữ 01 (một) điện thoại di động, 01 (một) xe mô tô cùng chìa khóa xe và số tiền 411.000đ (bốn trăm mười một nghìn đồng) của Th.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và thử phản ứng phát hiện chất ma túy đối với 01 (một) gói ma túy thu giữ khi bắt quả tang Bé Đức Th, sau đó đã tiến hành niêm phong lại toàn bộ số ma túy trong phong bì ký hiệu A1 để gửi trưng cầu giám định. Tại bản Kết luận giám định số 145/KTHS-MT ngày 02/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: *“Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là: 0,33g (không phải ba ba gam).”*

Quá trình điều tra, truy tố, Bé Đức Th khai nhận: Số ma túy mà Cơ quan Công an thu giữ ngày 26/7/2021 là của Th, do Th mua về để sử dụng cho bản thân, cụ thể: Do bản thân là người nghiện ma túy nên vào khoảng 20 giờ ngày 26/7/2021, Th một mình điều khiển xe mô tô BKS 97B1-319.15 (xe Th mượn của anh Bé Đức C, sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn) đi từ nhà sang khu vực xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn tìm mua ma túy. Khi đến đoạn lề đường quốc lộ 279 thuộc địa phận xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Th gặp và mua ma túy với 01 (một) người đàn ông tên A (không biết họ, tên đệm, địa chỉ), khoảng 40 tuổi được 01 (một) gói nhỏ ma túy với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, Th cho gói ma túy vào 01 (một) vỏ bao thuốc lá và cất giấu vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô về nhà, trên đường về nhà thì Th bị cơ quan Công an bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật.

Bà Chu Thị L, sinh năm 1967, trú tại Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn xác nhận: Ngày 26/7/2021 bản thân được chứng kiến việc cơ quan Công an bắt quả tang Bé Đức Th khi đang có hành vi cất giấu ma túy.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKSNS, ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Bé Đức Th về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bé Đức Th phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị xử lý bị cáo như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù

tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2021 đến ngày 29/7/2021.

- Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy (Heroine) hoàn trả sau giám định, phong bì, phong bì niêm phong, bao gói cũ, vỏ bao thuốc lá, lớp giấy gói cũ, phong bì niêm phong cũ ký hiệu T145, A2, A3.

Trả lại cho bị cáo Bé Đức Th: 01 (một) chiếc điện thoại di động và số tiền 411.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí. Do đó, đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Bé Đức Th khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt

Tại phiên tòa, bị cáo Bé Đức Th khai nhận: Do nghiện ma túy nên ngày 26/7/2021, Bé Đức Th đã có hành vi tàng trữ trái phép 01 (một) gói ma túy (Heroine) có khối lượng (trọng lượng) là 0,33g (không phải ba ba gam) trên người, mục đích để sử dụng cho bản thân và đã bị tổ công tác Công an xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn phát hiện bắt quả tang, tiến hành thu giữ toàn bộ tang vật.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quá tang lập hồi 22 giờ 00 phút, ngày 26/7/2021; biên bản mở đóng niêm phong, cân tịnh khối lượng chất bột màu trắng nghi là Heroine và gửi mẫu giám định ngày 27/7/2021; phù hợp với Kết luận giám định số 145/KTHS-MT ngày 02/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn; phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản

hỏi cung đối với bị cáo và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có mâu thuẫn, không làm phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Vì vậy, có đầy đủ cơ sở kết luận hành vi của Bị cáo Th đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

c) Heroine..... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng đạo đức, lối sống, bị cáo đã nghiện ma túy và đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,33g (*không phải ba ba gam*) ma túy (Heroine).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng háms lờ có cơ hội lưu thông, buôn bán ma túy, là nguyên nhân làm lây lan, phát sinh nhiều tệ nạn nguy hiểm xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Viện kiểm sát nhân dân huyện N quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo có ông nội Bế Quốc T được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và bà nội Ma Thị Đ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có việc làm, thu nhập ổn định do đó, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 97B1-319.15 kèm chìa khóa xe và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 004206, quá trình điều tra xác định anh Bế Đức C không biết Th dùng chiếc xe để đi mua ma túy nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Xét việc trả lại tài sản là đúng quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử không xem xét.

Số ma túy (Heroin) hoàn lại sau khi giám định, túi nilon cũ, phong bì niêm phong cũ là vật cấm lưu hành và vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động và số tiền 411.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[7] Các vấn đề liên quan trong vụ án

Đối với người đàn ông tên A (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ) theo lời khai của bị cáo là người bán ma túy cho bị cáo vào ngày 26/7/2021, quá trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể của người này nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ làm rõ, xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Bế Đức C, người đã cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô mà bị cáo sử dụng để đi mua ma túy, xét thấy, anh C không biết bị cáo mượn xe mô tô để đi mua ma túy, không tham gia cùng nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với hành vi của anh C. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, có đơn xin miễn án phí. Do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bế Đức Th phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 27/7/2021 đến 29/7/2021.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ghi: T145, vụ Bé Đức Th (1988) tàng trữ trái phép chất ma túy; mặt sau phong bì có 02 dấu tròn đỏ đóng giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn và 04 chữ ký không đọc được.

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ghi: Vở bao thuốc lá Thăng Long, giấy gói cũ, phong bì niêm phong cũ thu giữ của Bé Đức Th ngày 26/7/2021, phong bì ký hiệu A2; mặt sau phong bì có các dòng chữ Nguyễn Hữu Tr, Mã Viết L, Hoàng Hải T, Chu Thanh T, Đinh Quang T, Bé Đức Th, Mã Văn G, 01 chữ Th, 06 chữ ký không đọc được và 02 dấu tròn đỏ đóng giáp lai của Cơ quan CSĐT Công an huyện N.

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ghi: Phong bì niêm phong cũ sau khi kiểm tra tiền được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu A3; mặt sau phong bì có các dòng chữ Bé Đức Th, Mã Viết L, Chu Thanh T, Nông Đức M, 01 chữ Th, 03 chữ ký không đọc được và 02 dấu tròn đỏ đóng giáp lai của Cơ quan CSĐT Công an huyện N.

2.2. Trả lại cho bị cáo Bé Đức Th:

- 01 (một) điện thoại di động tạm giữ của Bé Đức Th ngày 26/7/2021 được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu T1; mặt sau phong bì có các dòng chữ Chu Thị L, Chu Văn T, Bé Đức Th, 03 chữ ký không đọc được và 02 dấu tròn đỏ đóng giáp lai của Công an xã T.

- Số tiền 411.000đ (Bốn trăm mười một nghìn đồng) có trong phong bì niêm phong ký hiệu A4.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/10/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ